

*Bản án số 64 /2026/DS-ST
Ngày 22/5/2026
(V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính

Ông Nguyễn Văn CHấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 318/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST- DS ngày 10/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985(Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1972(Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú : Thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974(Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

Ông Phạm Đức C, sinh năm 1982(Vắng mặt).

Nơi cư trú: Hiện đang công tác tại quân đoàn 12, sư đoàn C1 tại Phường C, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ,nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Do quan hệ làm ăn, chăn nuôi gia cầm nên từ năm 2014 ông Nguyễn Văn G ,sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh nhiều lần mua thuốc thú y của chị M. Các lần mua thuốc thú y của ông G đều được chị M ghi vào sổ theo dõi bán hàng. Các lần mua hàng ông G đều kí xác nhận vào sổ theo dõi bán hàng của chị M. Tổng số tiền từ tháng 6/2014 đến tháng 9/2014 ông G mua thuốc thú y của chị M là 16.682.000 đồng, ông G đã thanh toán được số tiền 7.250.000 đồng. Hiện nay, ông Nguyễn Văn G còn nợ chị M tổng số tiền là 9.432.000 đồng.

Chị M đã đòi tiền ông G nhiều lần nhưng ông G không trả mà còn chửi bới. Việc bán thuốc thú y là tiền riêng của chị M, không liên quan gì đến chồng chị M là anh Phạm Đức C, sinh năm 1982 nên chị đề nghị không đưa anh C vào tham gia tố tụng.

Khi mua bán thuốc chỉ có một mình ông G đến mua thuốc nên chị M chỉ yêu cầu một mình ông G phải thanh toán cho chị M toàn bộ số tiền còn nợ, ngoài ra không yêu cầu vợ ông G là chị Nguyễn Thị T phải trả nợ.

Nay chị M xác định hai bên không thể thỏa thuận được với nhau nên yêu cầu ông Nguyễn Văn G phải trả toàn bộ số tiền mua thuốc còn lại là 9.432.000 đồng. Về tiền lãi suất: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai trình bày: Do quan hệ làm ăn chăn nuôi gia cầm nên từ năm 2014 ông G nhiều lần mua thuốc thú y của chị Nguyễn Thị M. Các lần mua thuốc thú y của ông G đều được chị M ghi vào sổ theo dõi bán hàng. Các lần mua hàng ông G đều kí xác nhận vào sổ theo dõi bán hàng của chị M. Tổng số tiền từ tháng 6/2014 đến tháng 9/2014 ông G mua thuốc thú y của chị M là 16.682.000 đồng. Tuy nhiên ông G cũng đã nhiều lần thanh toán tiền nợ cho chị M và hiện ông G chỉ còn nợ chị M số tiền 5.500.000 đồng. Do vậy ông G chỉ đồng ý trả chị M 5.500.000 đồng. Số tiền trên do một mình ông G mua thuốc, không liên quan đến vợ ông G là bà Nguyễn Thị T

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Phạm Đức C vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai trình bày: Vợ anh C là Nguyễn Thị M có mở một cửa hàng kinh doanh thuốc thú y từ năm 2013 đến nay. Tuy nhiên việc kinh doanh thuốc thú y là của một mình chị M không liên quan gì đến anh C. Anh C cũng không được biết những ai đến để mua hàng, toàn bộ do chị M quản lý cửa hàng. Việc mua bán giữa chị M và ông Nguyễn Văn G thì anh C cũng không được biết. Do vậy anh C cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục nhưng không tham gia phiên tòa, không trình bày gì suốt quá trình tố tụng.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng; việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M: Buộc ông Nguyễn Văn G phải trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền 9.432.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 471.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **C** và bà **T** nhưng chị **M** và anh **C** có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; ông **G**, bà **Nguyễn Thị T** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục. Do vậy việc xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên là đúng quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Do các đương sự không thỏa thuận về thời hạn trả nợ, do vậy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Tòa án nhận định: Căn cứ giấy nhận nợ ngày 24/9/2014 và sự thừa nhận của ông **G** thì có đủ căn cứ xác định: Ông **G** và chị **M** có quan hệ mua bán thuốc thú y. Tính đến ngày 24/9/2014 ông **G** còn nợ chị **M** số tiền mua thuốc thú y là 16.682.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất. Chị **M** trình bày ông **G** đã trả được số tiền 7.250.000 đồng, hiện nay ông **G** còn nợ chị **M** tổng số tiền là 9.432.000 đồng. Do vậy, mặc dù ông **G** trình bày đã nhiều lần trả tiền chị **M** và chỉ còn nợ chị **M** 5.500.000 đồng nhưng ông **G** không có chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông **G**, đồng thời ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị **M** là có căn cứ cần chấp nhận.

Do giao dịch trên là do ông **G** và chị **M** tự xác lập, ông **G** và chị **M** đều trình bày không liên quan tới gia đình, đồng thời chồng chị **M** là anh **C** cũng xác định số tiền trên là sản riêng của chị **M**, nên cần xác định nghĩa vụ trả tiền trên là nghĩa vụ riêng của ông **G** theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị **M**: Buộc ông **G** phải có nghĩa vụ trả chị **M** tổng số tiền là 9.432.000 đồng, không phải trả tiền lãi. .

[4]. *Án phí sơ thẩm*: Ông **G** phải chịu 471.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 274, 275, 278, 280, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 35, 39, 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc ông **Nguyễn Văn G** phải có nghĩa vụ trả chị **Nguyễn Thị M** 9.432.000 đồng (Chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng), không phải trả tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông **Nguyễn Văn G** phải chịu 471.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TANDT, BN
- VKSND.KV4
- THADS.KV4
- UBND xã Cẩm Lý
- Lưu.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên